TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 5 - 2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhân Phái.

2. Ông Hồ Văn Kỳ.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Công H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:*** Chị L và anh Trần Công H quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 07/7/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến gây sự, đánh đập, xúc phạm chị L và các con. Anh H không còn quan tâm chăm sóc chị L và các con từ năm 2016 cho đến nay, bỏ mặc chị L một mình nuôi các con; thỉnh thoảng

anh H về lại gây sự đánh đập làm cho chị L lo lắng, ảnh hưởng đến cuộc sống của chị L và các con. Quá trình mâu thuẫn như vậy, chị L có yêu cầu Công an xã L làm việc để khuyên can và có biện pháp xử lý đối với anh Trần Công H. Anh H nhiều lần cam đoan và hứa thay đổi để vợ chồng xây dựng hạnh phúc, nuôi dạy con cái trưởng thành, nhưng sau đó vẫn không thay đổi tính cách mà vẫn như trước. Hai bên gia đình đã khuyên can nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Nay chị L không chịu đựng được cuộc sống áp lực, mệt mỏi do anh H gây ra, xác định không còn tình cảm vợ chồng nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Công H.

Về con chung: Chị Lê Thị L trình bày vợ chồng có 04 người con chung là Trần Thu Đ, sinh ngày 27/11/2005; Trần Thị Bảo L, sinh ngày 24/10/2010; Trần Lê Quỳnh Nh, sinh ngày 26/6/2013 và Trần Thành Nh, sinh ngày 05/02/2016. Chị L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 04 người con chung và yêu cầu anh Trần Công H cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/1 người con/1 tháng. Từ khi anh H bỏ đi cho đến nay thì chị L một mình làm việc và chăm sóc, nuôi dưỡng các con ăn học đầy đủ. Hiện nay chị L làm nghề buôn bán, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Lê Thị L đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy chứng minh nhân dân Lê Thị L; bản sao sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Trần Công H; bản sao giấy khai sinh Trần Thu Đ, Trần Thị Bảo L, Trần Lê Quỳnh Nh, Trần Thành Nh.

**** Đối với bị đơn anh Trần Công H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân và quá trình kết hôn anh H thừa nhận như chị Lê Thị L trình bày là đúng, anh chị tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 07/7/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H hay nhậu nhẹt bạn bè nên vợ chồng có cãi nhau, trong lúc nóng giận thì anh H có dùng tay đánh chị L, gia đình chị L đã báo Công an xã L đến làm việc; ngoài ra anh H không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện nay anh H làm công việc phụ xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh từ đầu năm 2019 cho đến nay chứ không phải sống ly thân như chị L trình bày. Nay anh H thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc. Trường hợp chị L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Trần Công H cũng thừa nhận vợ chồng có 04 người con chung như chị Lê Thị L đã trình bày, gồm Trần Thu Đ, sinh ngày 27/11/2005; Trần Thị Bảo L, sinh ngày 24/10/2010; Trần Lê Quỳnh Nh, sinh ngày 26/6/2013 và Trần Thành Nh, sinh ngày 05/02/2016. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung Trần Thị Bảo L và Trần

Lê Quỳnh Nh; giao 02 người con chung Trần Thu Đ và Trần Thành Nh cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H và chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh H thay đổi ý kiến về việc nuôi con trong trường hợp chị L cương quyết yêu cầu ly hôn thì đối với việc nuôi con anh đồng ý giao cả 04 người con cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L là 750.000 đồng/1 người con/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Công H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị L, bị đơn anh Trần Công H cơ bản chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; giải quyết:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Công H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 04 người con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/1 người con/1 tháng. Anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Trần Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị L và anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa L và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh H có hành vi bạo lực gia đình đánh đập, xúc phạm chị L

nhiều lần, chị L có nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng anh H không thừa nhận. Tại phiên tòa, anh H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên và chính quyền hòa giải nhưng không thành. Tòa án đã hòa giải nhưng chị L cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H là không thể khắc phục được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Trần Công H.

[3] Về con chung: Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con giữa chị L và anh H tại phiên tòa là phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của những người con chung của chị L và anh H. Nên giao 04 người con chung Trần Thu Đ, sinh ngày 27/11/2005; Trần Thị Bảo L, sinh ngày 24/10/2010; Trần Lê Quỳnh Nh, sinh ngày 26/6/2013 và Trần Thành Nh, sinh ngày 05/02/2016 cho chị Lê Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Trần Công H cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/1 người con/1 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn anh Trần Công H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Trần Công H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L; chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Công H.

2. Về việc nuôi con: Giao 04 người con chung Trần Thu Đ, sinh ngày 27/11/2005; Trần Thị Bảo L, sinh ngày 24/10/2010; Trần Lê Quỳnh Nh, sinh ngày 26/6/2013 và Trần Thành Nh, sinh ngày 05/02/2016 cho chị Lê Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Trần Công H cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/1 người con/1

tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Công H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn anh Trần Công H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006449, ngày 19/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Công H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị L, bị đơn anh Trần Công H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự (chị L, anh H);
- UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Ngọc Tú